**Tiết 2: Toán**

 **BÀI 8. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giải được bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai sốđó" và vận dụng giải quyết một số vẩn đề thực tiễn đơn giản.

- Phát triển các năng lực toán học: Năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp thông qua việc phân tích các dữ kiện trong bài toán để nêu cách giải bài toán, trình bày bài giải rõ ràng chặt chẽ.

- Học sinh tự giác trong việc tìm cách giải bài toán, mạnh dạn nhận xét bài của bạn

- HS đề xuất được cách giải bài toán theo nhiều cách khác nhau.

- Phát triển phẩm chất chăm chỉ: tích cực tham gia vào các hoạt động trong tiết học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK, ti vi, máy tính, bảng nhóm để làm bài 2.

**2. Học sinh:** vở ghi chép, SGK, thước kẻ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. Hoạt động khởi động** |
| - GV tổ chức cho HS chơi truyền điện nhắc lại các bước giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em tiếp tục luyện tập về giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. | - HS tham gia hoạt động |
| **B. Hoạt động luyện tập** |
| **Bài 2.**- GV gọi 2 HS đọc đề bài.- GV hướng dẫn HS nêu các dữ kiện, phân tích mối quan hệ giữa các dữ kiện và nhận dạng bài toán.- Cho HS thi đua làm bài nhanh, phát bảng nhóm cho 1 HS.- GV tổ chức nhận xét, đánh giá bài làm.- Gọi HS nêu lại các bước giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.**Bài 3.**- GV gọi 2 HS đọc đề bài.- GV hướng dẫn HS nêu các dữ kiện, phân tích mối quan hệ giữa các dữ kiện và nhận dạng bài toán.- Cho HS thi đua làm bài nhanh (như bài 2), phát bảng nhóm cho 1 HS.- Yêu cầu 2 HS ngồi cùng bàn đổi vở để kiểm tra- GV tổ chức nhận xét, đánh giá bài làm.- Gọi HS nêu lại các bước giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. | - 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm- HS nêu: Bài toán cho biết:Cuộn dây màu đỏ dài hơn cuộn dây màu xanh 50m, cuộn dây màu xanh dài bằng  cuộn dây màu đỏ.+ Cuộn dây màu xanh tương ứng với số bé, cuộn dây màu đỏ tương ứng với số lớn, hiệu là 50m, tỉ số là + Bài toán yêu cầu tính độ dài mỗi cuộn dây.+ Đây là bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.- HS thi đua làm bài cá nhân: 1 HS làm trên bảng nhóm, cả lớp làm vào vở bài tập.Bài giảiTa có sơ đồ:Cuộn dây màu xanh:50mCuộn dày màu đỏ: Theo sơ đồ, hiệu sốphần bằng nhau là:8–3 = 5 (phần)Giá trị một phần là:50:5 = 10 (m)Cuộn dây màu xanh dài là:10×3 = 30(m)Cuộn dây màu đỏ dài là:10 × 8 = 80 (m)Đáp số: Cuộn dây màu xanh: 30m.Cuộn dây màu đỏ: 80m.Học sinh có thể hiểu và làm gộp như sau:Bài giảiTa có sơ đồ:Cuộn dây màu xanh:50mCuộn dây màu đỏ: Theo sơ đồ, hiệu sốphần bằng nhau là:8–3 = 5 (phần)Cuộn dây màu xanh dài là:50:5×3 = 30(m)Cuộn dây màu đỏ dài là:50:5 × 8 = 80 (m)Đáp số: Cuộn dây màu xanh: 30m.Cuộn dây màu đỏ: 80m.- HS gắn bảng nhóm lên bảng. Cả lớp cùng nhận xét bài làm trên bảng và báo cáo về bài của mình.- Vài HS nêu lại.- 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm- HS nêu: + Bài toán cho biết:Số cây cam trong vườn ít hơn số cây xoài là 32 câyTỉ số của số cây xoài và số cây cam là + Bài toán hỏi: Trong vườn có bao nhiêu cây xoài, bao nhiêu cây cam?+ Đây là bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.Số cây cam tương ứng với số bé, số cây xoài tương ứng với số lớn, hiệu là 32 cây, tỉ số là - HS thi đua làm bàiBài giảiTa có sơ đồ:Số cây xoài: 32 câySố cây cam: Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:7–5 = 2 (phần)Số cây xoài là:32 : 2 × 7 = 112 (cây)So cây cam là:32 : 2 × 5 = 80 (cây)Đáp số: 112 cây xoài; 80 cây cam- HS kiểm tra chéo bài - HS gắn bảng nhóm lên, cả lớp cùng nhận xét, đánh giá bài làm. - 2-3 HS nêu lại. |
| **C. Hoạt động vận dụng** |
| **Bài 4.**- GV gọi 2 HS đọc đề bài.- GV hướng dẫn HS nêu các dữ kiện, phân tích mối quan hệ giữa các dữ kiện và nhận dạng bài toán.- Cho HS thi đua làm bài theo nhóm đôi, phát bảng nhóm cho 1 nhóm- GV tổ chức nhận xét, đánh giá bài làm.- GV hướng dẫn cho HS nêu cách tìm số bé, số lớn bằng nhiều cách khác nhau.Củng cố, dặn dò- Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? - Về nhà, các em đọc lại cách giải dạng toán “Tìm hai sốkhi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”.-Tìm tình huống thực tế liên quan đến dạng toán Tìm hai sốkhi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”.- Chuẩn bị bài: Bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc. | - 2 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm- HS nêu:+ Bài toán cho biết: số lượng ti vi bản trực tiếp tại của hàng ít hơn số lượng ti vi bán trực tuyến là 42 chiếc; số lượng ti vi bán trực tuyến gấp 3 lần số lượng ti vi bán trực tiếp.+ Bài toán yêu cầu tính số lượng ti vi bán trực tiếp trong quý đó.+ Hiệu là 42 chiếc, số lượng ti vi bán trực tuyến gấp 3 lần số lượng ti vi bán trực tiếp tức là tỉ số của số lượng ti vi bán trực tuyến và số lượng ti vi bán trực tiếp là .+ Đây là bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.- HS làm bài vào vở bài tập, 1 nhóm làm trên bảng nhóm.Bài giảiTa có sơ đồ:Số ti vi bán trực tuyến: 42 chiếcSố ti vi bán trực tiếp: Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:3–1=2 (phần)Số ti vi bán trực tiếp là:42 : 2 × 1 = 21 (chiếc)Đáp số : 21 chiếc ti vi - HS gắn bảng nhóm lên bảng, cả lớp cùng nhận xét, đánh giá.- HS cùng khái quát lại cách giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.*Cách 1. Tìm số bé trước, số lớn sau*- Vẽ sơ đồ- Tìm hiệu số phần bằng nhau- Tìm số bé: Số bé = Hiệu : Hiệu số phần bằng nhau × Số phần của số bé- Tìm số lớn: Số lớn = Hiệu : Hiệu số phần bằng nhau × Số phần của số lớnHoặc: Số lớn = Số bé + Hiệu*Cách 2. Tìm số lớn trước, số bé sau*- Vẽ sơ đồ- Tìm hiệu số phần bằng nhau- Tìm số lớn: Số lớn = Hiệu : Hiệu số phần bằng nhau × Số phần của số lớn- Tìm số bé: Số bé = Hiệu : Hiệu số phần bằng nhau × Số phần của số béHoặc: Số bé = Số lớn – Hiệu- HS chia sẻ- HS lắng nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***